

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 108/2018/DS-PT

Ngày 09-8-2018

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr.

Các thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2018/TLPT-DS ngày 06/6/2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2018/QĐPT-DS ngày 04/7/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Ông P ủy quyền cho bà T1 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2018) - (có mặt).

2. *Bị đơn:* bà Lê Thị T2, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - (vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị T2.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Hữu P (nguyên đơn) có mối quan hệ vợ chồng. Nguyên đơn với bị đơn bà Lê Thị T2 có mối quan hệ hàng xóm và vay mượn tiền nhiều lần có khoản trả, khoản chưa trả, cụ thể:

Lần 1: Ngày 01/5/2015 nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 90.000.000 đồng, mục đích bị đơn mượn tiền để gửi cho con. Lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 01/3/2016; nguyên đơn là người viết giấy cho bị đơn ký xác nhận dưới mục người vay tiền. Quá thời hạn trên bị đơn không trả gốc và lãi cho nguyên đơn.

Lần 2: Ngày 23/8/2017 bị đơn tiếp tục vay của nguyên đơn số tiền là 30.000.000 đồng thỏa thuận đến ngày 10/9/2017 trả, lãi suất thỏa thuận tính khi trả gốc không rõ là bao nhiêu, mục đích bị đơn vay làm gì nguyên đơn không biết, nội dung giấy vay do nguyên đơn viết bị đơn ký xác nhận nợ. Đến ngày 12/10/2017 bị đơn có đến nhà nguyên đơn trả nợ nhưng vì không có nguyên đơn bà T1 ở nhà nên bị đơn trả 30.000.000 đồng cho nguyên đơn ông P, còn lãi suất không tính toán. Đối với chứng cứ vẫn do nguyên đơn lưu giữ bởi vì khi nhận tiền ông P không biết có tính toán lãi không nên để bà T1 về tính toán lại. Khoản vay này bị đơn đã thanh toán xong cho nguyên đơn nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lần 3: Ngày 03/9/2017 bị đơn có đến nhà vay thêm số tiền 135.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng và hứa sau khi đáo nợ Ngân hàng có tiền sẽ trả luôn gốc và lãi của tất cả các lần vay còn nợ nên nguyên đơn đồng ý cho bị đơn vay. Nội dung giấy vay do nguyên đơn viết, bị đơn ký xác nhận dưới mục người vay tiền. Thời hạn trả nợ 01 tuần kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng nhưng không ghi cụ thể vào hợp đồng.

Quá trình vay đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi của 2 khoản vay ngày 01/5/2015 và 03/9/2017, khi vay bị đơn không giao tài sản hay giấy tờ gì làm tin, không có người làm chứng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị T2 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 225.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 12/9/2017 đến thời điểm xét xử là 19.068.750 đồng.

Ngoài hai khoản vay khởi kiện nêu trên, giữa nguyên đơn và bị đơn còn các khoản nợ khác tổng cộng là 23.000.000 đồng nhưng do chưa đến hạn trả nợ tại thời điểm khởi kiện nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Sau này khi phát sinh tranh chấp nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Lê Thị T2 trình bày:

Bị đơn và nguyên đơn có mối quan hệ hàng xóm, vay mượn nhiều lần có khoản trả, khoản chưa trả cụ thể:

- Đối với khoản vay ngày 01/5/2015:

Bị đơn vay nguyên đơn nhiều lần trước năm 2014, đến năm 2014 sau khi các bên tính toán số tiền bị đơn còn nợ lại nguyên đơn là 75.000.000 đồng, các bên có lập

hợp đồng nguyên đơn giữ; do chưa có tiền trả gốc và lãi nên đến ngày 01/5/2015 nguyên đơn tính gốc và lãi bị đơn nợ tổng số tiền là 90.000.000 đồng (trong đó 75.000.000 đồng tiền gốc, 15.000.000 đồng tiền lãi) bị đơn đồng ý và ký dưới mục người vay, lãi suất thỏa thuận là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Do hoàn cảnh nên bị đơn chưa trả được tiền gốc cũng như lãi cho nguyên đơn. Mục đích bị đơn vay để xin việc cho con, việc vay mượn chỉ mình bị đơn thực hiện, không liên quan đến gia đình, chồng bị đơn là ông Lê Đình P1 đã chết.

- Đối với khoản vay ngày 03/9/2017:

Khoảng cuối tháng 8/2017 vì cần tiền đáo hạn ngân hàng nên bị đơn vay của nguyên đơn 30.000.000 đồng, có lập giấy tờ vay mượn, sau đó do thiếu tiền để trả cho người khác nên đến ngày 03/9/2017 bị đơn vay tiếp của nguyên đơn 135.000.000 đồng. Tổng 2 khoản vay là 165.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn trả nợ là một tuần kể từ ngày vay. Đến ngày 08/10/2017, bị đơn đã trả cho nguyên đơn bà T1 10.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 12/10/2017, bị đơn đã trả trực tiếp cho nguyên đơn ông P số tiền 170.000.000 đồng (trong đó có 165.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi). Các lần trả nợ không có người chứng kiến, do tin tưởng nên bị đơn không lấy lại giấy vay cũng như gạch sổ đồng thời để nguyên đơn bà T1 về tính toán lại tổng số tiền nợ thừa thiếu sau đó sẽ xé bỏ sau. Tất cả các khoản vay trên đều lập giấy vay nhưng tất cả đều do nguyên đơn giữ kể cả sau khi bị đơn trả xong nợ.

Tất cả các khoản vay trên, bị đơn không giao tài sản, giấy tờ làm tin, không có người làm chứng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 225.000.000 đồng. Đối với khoản vay ngày 01/5/2015, bị đơn đồng ý còn nợ nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng nhưng xin trả dần còn lãi suất do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn xin không tính. Đối với khoản vay ngày 03/9/2017 số tiền 135.000.000 đồng bị đơn không đồng ý trả vì số tiền này bị đơn đã hết cho nguyên đơn như trình bày.

Ngoài khoản vay 90.000.000 đồng ngày 01/5/2015, bị đơn không còn nợ nguyên đơn khoản vay nào khác. Chữ ký trong các chứng cứ nguyên đơn cùng cấp là chữ ký của bị đơn.

Đối với các khoản vay khác tổng cộng 23.000.000 đồng do chưa đến hạn nên nguyên đơn không khởi kiện, quá trình tố tụng, bị đơn có làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết nhưng đã rút đơn yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 184, 203, 266 BLTTDS;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015 và các điều 471, 474 và 476 BLDS năm 2005;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị T1.

Buộc bị đơn bà Lê Thị T2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị T1 số tiền 244.068.750 đồng. (Hai trăm bốn mươi tư triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), trong đó: 225.000.000 đồng tiền gốc và 19.068.750 đồng tiền lãi từ ngày 12/9/2017 đến ngày 26/4/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 07/5/2018, bị đơn bà T2 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng bà không có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông P, bà T1 số tiền 135.000.000 đồng, bà T2 chỉ chấp nhận trả số tiền 90.000.000 đồng.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 355/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/5/2018 của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk đã kháng nghị một phần bản án, đề nghị sửa án sơ thẩm về: Điều luật áp dụng, lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 14/5/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu P, làm đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện về yêu cầu tính lãi suất đối với toàn bộ khoản nợ vay.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị T2 vắng mặt không có lý do chính đáng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của bà Lê Thị T2: Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị T2 vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ kháng cáo đối với bà T2.

Về nội dung kháng nghị: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và cho rằng Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin ban hành quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm là không đúng quy định theo Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong hạn luật định và bị đơn đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện đối với phần yêu cầu về lãi suất nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ khoản nợ gốc; bị đơn không rút đơn kháng cáo; VKSND tỉnh Đắk Lắk không rút quyết định kháng nghị; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

[2.] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo bị đơn bà Lê Thị T2 vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T2.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk về việc áp dụng pháp luật và phần án phí, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Ngày 03/9/2017, bà Lê Thị T2 vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị T1 số tiền 135.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tuần kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Như vậy giao dịch trên được thực hiện sau thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 688, Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là không đúng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T2 là đối tượng thuộc hộ cận nghèo đã được UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk xác nhận ngày 08/02/2018 nhưng Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin không xem xét là thiếu sót. Tuy nhiên, tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2018/QĐ-SCBSBA ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã sửa chữa những sai sót trên. Ngày 24/5/2018, Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định kháng nghị các nội dung trên là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, thời hạn Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin tổng đạt Quyết định số 01/2018/QĐ-SCBSBA cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk chậm dẫn đến Viện kiểm sát kháng nghị là vi phạm khoản 2 Điều 268 BLTTDS năm 2015, đây là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm nên cần rút kinh nghiệm.

[3.2] Xét kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk về việc áp dụng lãi suất, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Viện kiểm sát cho rằng, do việc áp dụng sai pháp luật dẫn đến việc tính lãi suất không đúng và ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ngày 14/5/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu P, làm đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện về yêu cầu tính lãi suất đối với toàn bộ khoản nợ vay và bị đơn bà Lê Thị T2 trong quá trình giải quyết vụ án cũng đề nghị xin không tính lãi

suất. Do vậy, Hội đồng xét xử cần sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất là phù hợp.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án về phần lãi suất, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: 225.000.000 đồng x 5% = 11.250.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn thuộc diện hộ cận nghèo được UBND xã E xác nhận, do đó được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đình chỉ kháng cáo của bà Lê Thị T2 nên căn cứ khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, sung vào công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T2 đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0001399 ngày 08/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 474 và 476 BLDS năm 2005 và các Điều 463, 466, 468, điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015;

Áp dụng Điều 12, khoản 2 Điều 18; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, chấp nhận việc rút yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị T1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 26/4/2018 của tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về phần nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền lãi và phần án phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị T1. Buộc bị đơn bà Lê Thị T2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà

Nguyễn Thị T1 số tiền 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền nợ gốc.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

- Về án phí:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị T2 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị T1 số tiền 5.625.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001299 ngày 25/01/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị T2 đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0001399 ngày 08/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Cư Kuin;
- TAND H. Cư Kuin;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr